BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM HỌC KỲ - LẦN CAO NHẤT

Năm học: 2018 - 2019 **Học kỳ :**

Khóa học : D15 | Ngành đào tạo : Kinh tế xây dựng

Khoa : K. Kinh tế | Chuyên ngành : Kinh tế xây dựng

Bậc đào tạo Đại học | Lớp học D15KX2

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Điểm học tập: Xếp loại TBCHK	TBC HK		TBC TL	AV3 (3.0)			ĐA.TCTC (1.0)			TOCTC (3.0)			PLXD (1.0)			DAUTHAU (2.0)			L&TDDA (2.0)			TTCK.KTXD (2.0)			Tin UDKTXD (3.0)		
								HP		QĐ				HP					QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP		QĐ	HP		QĐ	HP	ĐC	QĐ
1	15DQ5803010047	Nguyễn Thị Mộng	Cầm	Khá	2.82	10	2.73	6.50	C+	2.50	7.70	B+	3.50	4.90	D+	1.50	8.50	A	4.00	6.60	C+	2.50	8.70	A	4.00	7.80	B+	3.50	##	C+	2.50
2	15DQ5803010048	Nguyễn Thị Phương	Đài	Khá	2.96	10	2.89	7.80	B+	3.50	6.60	C+	2.50	5.50	C	2.00	8.10	B+	3.50	8.40	B+	3.50	8.90	A	4.00	8.10	B+	3.50	##	C+	2.50
3	15DQ5803010049	Nguyễn Văn	Độ	Trung bình	2.00	8	2.19	7.00	B	3.00	4.00	D	1.00	5.10	D+	1.50	5.90	C	2.00	7.80	B+	3.50	7.20	B	3.00	5.00	D+	1.50	##	D+	1.50
4	15DQ5803010050	Trần Kỳ	Duyên	Trung bình	2.04	8	2.12	6.60	C+	2.50	5.70	C	2.00	5.20	D+	1.50	8.10	B+	3.50	5.30	D+	1.50	4.80	D+	1.50	6.00	C+	2.50	##	F	0.00
5	15DQ5803010051	Lê Thị Hương	Giang	Trung bình	2.05	8	2.33	7.20	B	3.00	5.90	C	2.00	5.40	D+	1.50	7.20	B	3.00	6.80	C+	2.50	5.70	C	2.00	6.00	C+	2.50	##	D	1.00
6	15DQ5803010052	Nguyễn Thị Mỹ	Hảo	Trung bình	2.07	8	2.20				6.20	C+	2.50	4.90	D+	1.50	6.40	C+	2.50	7.10	B	3.00	5.70	C	2.00	6.00	C+	2.50	##	D+	1.50
7	15DQ5803010053	Nguyễn Thị	Hệ	Giỏi	3.21	12	2.86	6.60	C+	2.50	8.10	B+	3.50	7.30	B	3.00	8.30	B+	3.50	7.90	B+	3.50	7.20	B	3.00	8.00	B+	3.50	##	B	3.00
8	15DQ5803010054	Nguyễn Đình	Hoàng	Trung bình	2.05	8	2.05				4.50	D+	1.50	5.50	C	2.00	5.80	C	2.00	6.70	C+	2.50	7.20	B	3.00	5.50	C	2.00	##	F	0.00
9	15DQ5803010055	Võ Kim	Hùng	Yếu	1.57	8	2.11	8.10	B+	3.50	4.20	D	1.00	4.50	D+	1.50	6.20	C+	2.50	5.30	D+	1.50	6.80	C+	2.50	5.30	D+	1.50	##	D	1.00
10	15DQ5803010066	Đặng Thị Thu	Thảo	Yếu	1.41	0	2.16	5.20	D+	1.50	6.20	C+	2.50	3.70	F	0.00	6.50	C+	2.50	6.20	C+	2.50	4.10	D	1.00	7.00	B	3.00	##	F	0.00
11	15DQ5803010068	Phạm Lê Ngọc	Thịnh	Trung bình	2.20	8	2.57	6.30	C+	2.50	6.00	C+	2.50	6.60	C+	2.50	7.70	B+	3.50	8.00	B+	3.50	6.10	C+	2.50	6.00	C+	2.50	##	F	0.00
12	15DQ5803010070	Nguyễn Thị Anh	Thư	Khá	2.62	10	2.41				6.20	C+	2.50	7.20	B	3.00	8.00	B+	3.50	7.00	B	3.00	5.70	C	2.00	5.80	C	2.00	##	D+	1.50
13	15DQ5803010071	Lê Thị Thanh	Thúy	Yếu	0.00	0	1.96	7.00	B	3.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	##	F	0.00
14	15DQ5803010072	Đặng Thị Bích	Trâm	Khá	2.82	10	2.34				5.90	C	2.00	7.60	B+	3.50	7.70	B+	3.50	7.80	B+	3.50	6.20	C+	2.50	7.50	B+	3.50	##	D+	1.50
15	15DQ5803010074	Đỗ Ngọc Minh	Trang	Khá	2.93	10	2.90	6.00	C+	2.50	6.90	C+	2.50	6.40	C+	2.50	7.10	B	3.00	5.90	C	2.00	7.50	B+	3.50	8.70	A	4.00	##	B	3.00
16	15DQ5803010075	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Trung bình	2.07	8	2.16	6.80	C+	2.50	6.00	C+	2.50	4.60	D+	1.50	7.40	B	3.00	7.40	B	3.00	8.30	B+	3.50	7.00	B	3.00	##	F	0.00
17	15DQ5803010078	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	Trung bình	2.39	8	2.23	6.60	C+	2.50	6.90	C+	2.50	4.90	D+	1.50	7.20	B	3.00	7.50	B+	3.50	8.30	B+	3.50	6.20	C+	2.50	##	D+	1.50
18	15DQ5803010079	Phạm Thị Mỹ	Xuân	Trung bình	2.36	8	2.37	7.70	B+	3.50	5.30	D+	1.50	5.30	D+	1.50	7.90	B+	3.50	7.30	B	3.00	8.40	B+	3.50	7.00	B	3.00	##	D+	1.50
19	15DQ5803010081	Trương Văn	Cường	Trung bình	2.03	8	2.29	6.70	C+	2.50	5.20	D+	1.50	6.00	C+	2.50	8.40	B+	3.50	6.70	C+	2.50	6.30	C+	2.50	5.80	C	2.00	##	D	1.00
20	15DQ5803010082	Duy Trần Thúy	Vy	Khá	3.13	10	3.02	7.20	B	3.00	6.20	C+	2.50	7.10	B	3.00	8.80	A	4.00	7.70	B+	3.50	8.70	A	4.00	7.30	B	3.00	##	C+	2.50
21	15DQ5803010084	Nguyễn Thị Mỹ	Sâm	Trung bình	2.39	8	2.17	5.90	C	2.00	5.40	D+	1.50	6.70	C+	2.50	7.90	B+	3.50	7.80	B+	3.50	6.70	C+	2.50	7.00	B	3.00	##	D	1.00
22	15DQ5803010085	Huỳnh Thị Phương	Thảo	Trung bình	2.15	8	2.09				4.50	D+	1.50	4.70	D+	1.50	8.00	B+	3.50	7.70	B+	3.50	6.50	C+	2.50	5.00	D+	1.50	##	D+	1.50
23	15DQ5803010086	Nguyễn Thị So	Ni	Khá	2.50	10	2.19	6.80	C+	2.50	5.20	D+	1.50	6.00	C+	2.50	7.60	B+	3.50	7.40	B	3.00	7.80	B+	3.50	6.50	C+	2.50	##	D+	1.50
24	15DQ5803010106	Nguyễn Thị Linh	Chi	Yếu	0.00	0	1.77	7.00	B	3.00		X		0.00	F	0.00	0.70	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	##	F	0.00
25	15DQ5803010107	Nguyễn Thị Kim	Cúc	Khá	2.61	10	2.45	6.60	C+	2.50	5.50	C	2.00	6.70	C+	2.50	8.10	B+	3.50	8.50	A	4.00	7.80	B+	3.50	5.50	C	2.00	##	D+	1.50
26	15DQ5803010108	Nguyễn Hải	Đăng	Khá	2.70	10	2.39	8.30	B+	3.50	7.70	B+	3.50	6.90	C+	2.50	8.20	B+	3.50	7.80	B+	3.50	8.90	A	4.00	6.50	C+	2.50	##	D+	1.50
27	15DQ5803010109	Nguyễn Văn	Diên	Yếu	1.53	8	1.99					X		5.20	D+	1.50	6.50	C+	2.50	5.80	C	2.00	6.80	C+	2.50	5.50	C	2.00	##	F	0.00
28	15DQ5803010111	Phan Ngọc	Đương	Xuất sắc	3.68	14	3.62	8.30	B+	3.50	7.90	B+	3.50	8.30	B+	3.50	7.50	B+	3.50	8.40	B+	3.50	9.40	A+	4.00	7.70	B+	3.50	##	A	4.00
29	15DQ5803010120	Lê Quang	Phú	Trung bình	2.00	8	2.46	7.80	B+	3.50	4.40	D	1.00	5.10	D+	1.50	6.40	C+	2.50	8.10	B+	3.50	7.80	B+	3.50	5.30	D+	1.50	##	D	1.00
30	15DQ5803010122	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Khá	2.68	10	2.49	7.00	B	3.00	6.90	C+	2.50	6.30	C+	2.50	7.20	B	3.00	6.50	C+	2.50	7.80	B+	3.50	6.00	C+	2.50	##	C+	2.50
31	15DQ5803010123	Đỗ Kiều Quỳnh	Trúc	Xuất sắc	3.64	14	3.27	8.30	B+	3.50	7.70	B+	3.50	8.40	B+	3.50	8.50	A	4.00	6.60	C+	2.50	8.80	A	4.00	8.50	A	4.00	##	A	4.00
32	15DQ5803010124	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Yếu	1.96	8	2.40	6.80	C+	2.50	5.90	C	2.00	6.00	C+	2.50	7.40	B	3.00	6.50	C+	2.50	7.50	B+	3.50	5.00	D+	1.50	##	F	0.00
33	15DQ5803010126	Lương Thị Như	Tuyền	Khá	3.00	10	2.89	7.70	B+	3.50	6.20	C+	2.50	6.80	C+	2.50	8.00	B+	3.50	8.50	A	4.00	8.30	B+	3.50	7.20	B	3.00	##	C+	2.50
34	15DQ5803010131	Châu Văn	Tường	Khá	2.89	10	2.71	7.00	B	3.00	5.30	D+	1.50	5.30	D+	1.50	7.60	B+	3.50	6.30	C+	2.50	8.60	A	4.00	7.50	B+	3.50	##	B	3.00
35	15DQ5803010132	Huỳnh Thị Hồng	Quỳnh	Yếu	1.71	8	2.07	4.60	D+	1.50	5.30	D+	1.50	5.90	C	2.00	7.70	B+	3.50	7.10	B	3.00	4.20	D	1.00	6.00	C+	2.50	##	F	0.00
36	15DQ5803010135	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	Khá	3.04	10	2.90	6.40	C+	2.50	6.90	C+	2.50	6.90	C+	2.50	7.80	B+	3.50	7.40	B	3.00	8.00	B+	3.50	8.20	B+	3.50	##	B	3.00
37	15DQ5803010136	Huỳnh Thị Mỹ	Quyên	Khá	3.04	10	3.33	8.20	B+	3.50	7.40	B	3.00	6.40	C+	2.50	8.60	A	4.00	7.70	B+	3.50	8.80	A	4.00	8.10	B+	3.50	##	C	2.00
38	15DQ5803010137	Nguyễn Thị Kim	Sự	Khá	3.18	10	2.51	8.00	B+	3.50	6.70	C+	2.50	6.90	C+	2.50	7.40	B	3.00	7.50	B+	3.50	8.40	B+	3.50	8.20	B+	3.50	##	B+	3.50
39	15DQ5803010138	Nguyễn Thị Xuân	Hạ	Trung bình	2.04	8	2.02	5.50	C	2.00	6.40	C+	2.50	4.20	D	1.00	7.80	B+	3.50	6.00	C+	2.50	4.50	D+	1.50	5.80	C	2.00	##	C+	2.50
40	15DQ5803010057	Nguyễn Thị	Luyến	Khá	2.75	10	2.77	7.60	B+	3.50	6.70	C+	2.50	6.80	C+	2.50	7.90	B+	3.50	7.70	B+	3.50	7.70	B+	3.50	6.00	C+	2.50	##	C	2.00
41	15DQ5803010058	Lê Trần Dạ	Ly	Khá	2.57	10	2.46	6.90	C+	2.50	6.90	C+	2.50	5.90	C	2.00	7.60	B+	3.50	6.80	C+	2.50	8.40	B+	3.50	7.00	B	3.00	##	C	2.00
42	15DQ5803010059	Nguyễn Xuân	Lý	Yếu	1.75	8	2.06	5.90	C	2.00	4.00	D	1.00	4.30	D	1.00	5.80	C	2.00	6.20	C+	2.50	8.20	B+	3.50	5.30	D+	1.50	##	D	1.00
43	15DQ5803010116	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	Khá	3.11	10	2.60	6.90	C+	2.50	6.70	C+	2.50	7.20	B	3.00	8.20	B+	3.50	7.70	B+	3.50	8.40	B+	3.50	8.00	B+	3.50	##	C+	2.50
44	15DQ5803010060	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	Khá	3.00	10	2.66	6.90	C+	2.50	6.90	C+	2.50	6.40	C+	2.50	8.30	B+	3.50	7.80	B+	3.50	7.80	B+	3.50	7.50	B+	3.50	##	C+	2.50
45	15DQ5803010117	Hồ Thị	Nguyệt	Giỏi	3.39	12	3.35	8.00	B+	3.50	7.40	B	3.00	7.60	B+	3.50	8.40	B+	3.50	8.30	B+	3.50	8.80	A	4.00	8.50	A	4.00	##	C+	2.50
46	15DQ5803010083	Bùi Thị Ngọc	Nhi	Yếu	1.63	8	2.08	6.80	C+	2.50	5.90	C	2.00	4.50	D+	1.50	6.30	C+	2.50	7.20	B	3.00	4.90	D+	1.50	6.00	C+	2.50	##	F	0.00
47	15DQ5803010062	Đặng Thị	Nhi	Yếu	1.53	8	1.98	7.00	B	3.00	6.10	C+	2.50	4.90	D+	1.50	7.60	B+	3.50	5.00	D+	1.50	5.90	C	2.00	0.00	F	0.00	##	D	1.00
48	15DQ5803010118	Phạm Yến	Nhi	Khá	2.82	10	2.64	7.70	B+	3.50	6.70	C+	2.50	7.00	B	3.00	7.60	B+	3.50	7.00	B	3.00	8.20	B+	3.50	7.50	B+	3.50	##	D+	1.50
49	15DQ5803010119	Huỳnh Thị Thảo	Như	Trung bình	2.32	8	2.84	6.20	C+	2.50	6.40	C+	2.50	7.00	B	3.00	7.40	B	3.00	5.20	D+	1.50	9.10	A+	4.00	8.30	B+	3.50	##	F	0.00
50	15DQ5803010063	Võ Thị Hồng	Nhung	Trung bình	2.13	8	2.20	4.70	D+	1.50	6.20	C+	2.50	5.10	D+	1.50	6.60	C+	2.50	6.90	C+	2.50	5.90	C	2.00	5.50	C	2.00	##	D+	1.50

Tổng HSSV: **50**

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	2	4.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	2	4.00%	TB	16	32.00%
Khá	20	40.00%	Yếu	10	8.00%

Phú Yên, ngày 12 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP

Trần Thi Quỳnh Như